TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2017/HNGĐ-PT
Ngày 29 tháng 9 năm 2017
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Hùng**
- *Các Thẩm phán:* Ông **Hà Văn Chương**
Bà **Nguyễn Thanh Hương**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Lương Hữu San** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:* Bà **Nguyễn Hữu Tình** - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 25 và 29 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2017/TLPT - HNGĐ, ngày 31 tháng 8 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 166/2017/HNGĐ - ST, ngày 24/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2017/QĐ-PT, ngày 08 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn S1**, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Bà **Vi Thị L**, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn S1 – Là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và nội dung bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S1 trình bày:

Ông và bà Vi Thị L kết hôn với nhau vào năm 1986 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc (Có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện S, tỉnh Hà Tuyên). Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại nông trường chè Tân Trào (nay thuộc tổ dân phố Q, thị trấn S). Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được 20 năm, còn 10 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, gia đình không hòa hợp. Ông xác định không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân với bà L được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Vi Thị L.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 người con chung là Nguyễn Thị Minh L1, sinh ngày 17/11/1986 và Nguyễn Thùy L2, sinh ngày 06/6/1991, hiên tại các con ông đều đã trưởng thành và lập gia đình nên ông không đề nghị giải quyết về con chung.

Về tài sản, đất, đai, công nợ chung ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Bị đơn bà Vi Thị L trình bày***:**

Bà xác định lời khai của ông S1 về quá trình tìm hiểu, kết hôn là hoàn toàn đúng. Tuy nhiên, kể từ khi vợ chồng kết hôn đến nay, vợ chồng bà không có mâu thuẫn gì, bà luôn thương yêu chồng con, làm tròn bổn phận và nghĩa vụ của người vợ, người mẹ. Bà xác định vợ chồng không mâu thuẫn như lời ông S1 khai và không Nh trí việc ông S1 đề nghị ly hôn.

Về con cái, tài sản chung, do không nhất trí ly hôn nên bà L không đề nghị giải quyết.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện S thụ lý, điều tra, hòa giải nhưng không thành và đã đưa ra xét xử. Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 166/2017/HNGĐ – ST, ngày 24/7/2017 Tòa án nhân dân huyện S đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S1 về việc xin ly hôn với bà Vi Thị L.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01 và 15/8/2017 nguyên đơn ông Nguyễn Văn S1 có kháng cáo với nội dung: Không Nh trí với bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn yêu cầu xin ly hôn của ông. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho ông

được ly hôn với bà Vi Thị L vì hai người không còn có trách nhiệm và quan hệ tình cảm đã hơn một năm, không còn liên quan về kinh tế. Bà L đã có hành vi làm nhục ông trước mặt mọi người và dọa đầu độc để giết ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trình tự thủ tục được thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S1 là hợp lệ, trong hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Văn S1 và bà Vi Thị L kết hôn với nhau từ năm 1986, quá trình chung sống hai bên luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng kinh tế, nuôi dạy con cái trưởng thành, không hề có sự chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm hoặc ngược đãi, hành hạ nhau, không có quan hệ ngoại tình. Qua quá trình xác minh tại tổ dân phố, các tổ chức đoàn thể và lời khai những người sống xung quanh thể hiện ông S1 và bà L không có mâu thuẫn gì lớn, vợ chồng chưa khi nào xô xát đến mức phải có sự can thiệp của các tổ chức, đoàn thể tổ dân phố. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa ông S1, bà L chưa đến mức độ trầm trọng, cuộc sống hôn nhân vẫn có thể tiếp tục kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự bác đơn kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S1:

Ông S1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho ông được ly hôn với bà L vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S1 giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và xác định: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được; thực tế vợ chồng ông đã ly thân từ tháng 4 năm 2016, ông đã bỏ nhà đi lên huyện H làm trang trại để tạo L3 cuộc sống riêng, không còn chung sống với bà L, thỉnh thoảng ông có trở về nhà ở S để giải quyết công việc rồi lại đi; hiện tại vợ chồng không còn quan hệ tình cảm và không quan tâm gì đến nhau nữa, nên ông đề nghị được ly hôn với bà Vi Thị L.

Tại phiên tòa bà Vi Thị L trình bày: Từ khi bà và ông S1 kết hôn cho đến nay đã hơn ba mươi năm, quá trình chung sống vợ chồng rất hạnh phúc. Đến thời gian gần đây, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi chửi nhau, nhưng không hề đánh đập, bạo lực gia đình; bà vẫn yêu thương, quan tâm chăm sóc ông S1 chu đáo. Tuy nhiên, khoảng đầu năm 2016, ông S1 có nói đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới trở về nhà rồi lại đi, không biết ông S1 đi làm ăn kinh tế ở đâu. Nay ông S1 yêu cầu xin ly hôn, bà không đồng ý; đề nghị xin được đoàn tụ để chăm sóc nhau lúc tuổi già và nuôi day con cái.

Qua lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa và xem xét chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án, nhận thấy:

Trong cuộc sống vợ chồng giữa ông S1 bà L có phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là từ đầu năm 2016. Nguyên nhân là do tình cảm vợ chông không hòa hợp, dẫn đến mẫu thuẫn, cãi chửi nhau; nhưng không hề xảy ra bạo lực gia đình, hành hạ, đánh đập nhau. Theo lời khai của bà L thì ông S1 bỏ nhà đi làm ăn kinh tế ở đâu bà không rõ, thỉnh thoảng mới về nhà rồi lại đi. Tại Biên bản xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm đối với chị Nguyễn Thị Minh L1, con gái của ông S1 bà L (BL 27) xác định: *"Khoảng tháng 2 năm 2016, bố tôi hay cáu gắt với mẹ tôi, không ai đánh đập, chửi bới ai; đến tháng 4/2016, bố tôi nói đi làm ăn xa, nhưng cũng không nói là đi đâu làm gì, gia đình cũng không ai biết, từ đó đến nay tôi chưa được gặp mặt bố tôi, tôi gọi điện thoại, nhắn tin nhưng không thấy bố tôi trả lời"*. Biên bản xác minh lời khai bà Nguyễn Thị L3 (BL 30) xác định: *"Đầu tháng 4/2016 tôi có nghe chị L kể lại với tôi là, thời gian này vợ chồng có mâu thuẫn, đánh chửi nhau, tôi có gọi ông S1 sang nói chuyện, khuyên bảo ông S1 không nên chửi nhau, đánh đập nhau nữa"*. Các lời khai nêu trên thể hiện việc ông S1 bỏ nhà đi làm ăn xa và sống ly thân với bà L trong khoảng thời gian từ tháng 4/2016 đến nay là có cơ sở. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh cụ thể, mà bỏ qua tình tiết này là có thiếu sót. Hội đồng xét xử đã phải tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm để tiến hành xác minh thu thập chứng cứ bổ S1. Tại Biên bản xác minh ngày 27/9/2017 đối với ông Hoàng Văn Nh, Phó Trưởng thôn, kiêm Công an viên thôn Lc, xã Đ, huyện H xác định: Ông S1 đến thôn khoảng tháng 10/2016, có xuất trình chứng minh thư nhân dân xin được đăng ký tạm trú…Hiện tại ông S1 đang có mặt tại địa bàn thôn để làm kinh tế trang trại trồng cam và bưởi; ông S1 ở một mình trong trang trại, không thấy có ai chung sống cùng. Tại biên bản xác minh đối với ông Trần Duy T, Trưởng Công an xã Đ xác định: Tại sổ theo dõi, thứ tự số 9 thì ngày 09/11/2016, ông S1 xin đăng ký tạm trú tại thôn Lc, xã Đ, huyện Hàm Yên; công an xã đã đăng ký tạm trú và cấp sổ tạm trú cho ông S1 với thời hạn 2 năm.

Với tài liệu chứng cứ như đã nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi kết hôn và chung sống với nhau trong khoảng thời gian hơn ba mươi năm, ông S1 và bà L luôn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống gia đình luôn vui vẻ, hạnh phúc, chung thủy với nhau, không có mối quan hệ ngoại tình. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 4/2016 tình cảm vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn hay cãi chửi nhau, nhưng

vợ chồng cũng chưa bao giờ ngược đãi, đánh đập nhau *(Thể hiện qua lời khai của các đương sự và lời khai của các nhân chứng tại các bút lục 12- 14; 23 - 24)*. Qua xác minh tại tổ dân phố, các tổ chức đoàn thể và lời khai của những người sống xung quanh *(Bút lục số 25, 31, 32, 33, 34, 35, 36)* thể hiện: Ông S1, bà L không có mâu thuẫn gì lớn, vợ chồng chưa lần nào xô xát dẫn đến mức phải có sự can thiệp của tổ chức, đoàn thể tổ dân phố; bà L luôn sống và cư xử đúng mực với chồng con, hàng xóm, không có hiện tượng bạo lực gia đình. Theo lời khai của các chị em ruột ông S1 và các con của ông S1, bà L *(Bút lục số 26, 27, 28, 29, 30)* cũng xác định: Từ khi kết hôn ông S1, bà L luôn sống chung thủy, hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, không có việc bà L cầm dao đuổi đánh ông S1. Mặc dù ông S1 đi làm ăn xa, có đăng ký tạm trú tại xã Đ, huyện H từ tháng 11/2016; thời gian này theo ông S1 là vợ chồng đã ly thân, nhưng mới được khoảng 9 tháng; thực tế ông S1 vẫn về nhà với gia đình, ông S1 không hề có quan hệ ngoại tình với người phụ nữa nào khác. Bà L và các con đều mong muốn bố mẹ đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc, giáo dục con cháu. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa ông S1 và bà L chưa đến mức trầm trọng, theo hướng dẫn tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 02/2000/NQ – HĐTP, ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Nên việc cho các đương sự trở về đoàn tụ là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật để xây dựng một gia đình hạnh phúc, phát huy truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc về hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn S1, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa.

2. Về án phí phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên nguyên đơn ông Nguyễn Văn S1 phải chịu tiền án phí phúc thẩm (Số tiền án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp).

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S1, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 166/2017/HNGĐ – ST, ngày 24/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện S như sau: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S1 về việc xin ly hôn với bà Vi Thị L.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn S1 phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng)* án phí phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004255, ngày 16/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Ông Nguyễn Văn S1 đã nộp xong tiền án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (29/9/2017).

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Minh Hùng